diàn huà

电话

Noun · telephone

Example Sentences

wǒ de diàn huà zài zhuō zi shàng
我的电话在桌子上。

My telephone is on the table.

tā měi tiān gěi mā ma dǎ yí gè diàn huà
他每天给妈妈打一个电话。

He calls his mother on the telephone every day.

tā qiā duàn le diàn huà xiàn
他掐断了电话线。

He cut off the telephone line

Trace each character, then write the word on your own.